PHÂN TÍCH MÂU THUẪN TRONG QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC THEO THÔNG TƯ SỐ 02/2022/TT-BGDĐT ĐƯỢC SỬA ĐỔI BỞI THÔNG TƯ SỐ 12/2024/TT-BGDĐT: GÓC NHÌN PHÁP LÝ VÀ ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN

NGUYỄN CHÍ HIẾU
Khoa Kế toán - Kiểm toán,
Trường Đại học Kinh tế - Luật

Nhận bài ngày 02/4/2025. Sửa chữa xong 07/4/2025. Duyệt đăng 11/4/2025.

Abstract

Circular No. 02/2022/TT-BGDĐT, amended by Circular No. 12/2024/TT-BGDĐT, is a key legal document regulating the conditions for opening university-level training programs in Vietnam. Specifically, Article 4 stipulates detailed requirements regarding the core faculty, including a minimum of 05 doctoral degree holders and the definition of "lecturers with appropriate expertise." However, a detailed analysis reveals internal contradictions within Article 4, particularly concerning academic qualifications, the role of leading instruction, and the practical applicability of the regulations. This article evaluates the legal consistency, analyzes the implications for higher education management, and proposes solutions to ensure clarity, feasibility, and enhancement of training quality.

Keywords: *Conditions for opening programs, core faculty, appropriate expertise, Circular 02/2022/TT-BGDĐT, higher education, educational law.*

1. Giới thiệu

Giáo dục đại học đóng vai trò cốt lõi trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Để đảm bảo chất lượng và tính minh bạch trong hoạt động đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/202b2 quy định chi tiết về điều kiện mở ngành đào tạo ở các trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ. Văn bản này được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024, nhằm cập nhật và hoàn thiện các quy định trước đó (sau đây gọi tắt là Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung). Trong đó, Điều 4 của Thông tư đặt ra các điều kiện cụ thể để mở ngành đào tạo trình độ đại học, với trọng tâm là yêu cầu về đội ngũ giảng viên (GV) cơ hữu – yếu tố then chốt đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo. Tuy nhiên, khi xem xét kỹ lưỡng nội dung Điều 4, đặc biệt là khoản 2 và định nghĩa "GV có chuyên môn phù hợp", có thể nhận thấy sự thiếu nhất quán trong cách diễn đạt và ý nghĩa pháp lý của các quy định. Cụ thể, yêu cầu "ít nhất 05 tiến sĩ là GV cơ hữu" dường như mâu thuẫn với định nghĩa mở rộng cho phép cả thạc sĩ đảm nhận vai trò chủ trì giảng dạy, dẫn đến những bất cập về logic, thực tiễn áp dụng và mục tiêu quản lý giáo dục. Tác giả nhận thấy đây là vấn đề pháp lý đáng chú ý, cần được phân tích sâu để làm rõ các khía cạnh mâu thuẫn, đánh giá tác động, và đề xuất giải pháp hoàn thiện. Bài viết này phân tích các mâu thuẫn pháp lý tại Điều 4 Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, đánh giá hệ quả của những mâu thuẫn này đối với quản lý và chất lượng giáo dục đại học; trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp cụ thể để khắc phục. Bài viết không chỉ góp phần làm sáng tỏ vấn đề pháp lý mà còn cung cấp cơ sở khoa học cho việc sửa đổi, bổ sung văn bản trong tương lai.

Email: hieunc@uel.edu.vn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Nội dung quy định và phân tích mâu thuẫn pháp lý

2.1.1. Nội dung quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung

Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung quy định các điều kiện cụ thể để mở ngành đào tạo trình độ đại học, trong đó khoản 2 tập trung vào yêu cầu về đội ngũ GV cơ hữu. Nội dung chính của hai đoạn trích liên quan bao gồm:

Khoản 2 quy định *"Có ít nhất 05 tiến sĩ là GV cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình (tính cả tiến sĩ ngành phù hợp quy định tại khoản 1 Điều này), trong đó mỗi thành phần của chương trình đào tạo phải có GV với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy".* Theo quy định này, cơ sở đào tạo phải đảm bảo tối thiểu 05 tiến sĩ cơ hữu, trong đó bao gồm ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp (theo khoản 1, giả định là người chủ trì xây dựng chương trình); các tiến sĩ này phải có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy toàn bộ chương trình; mỗi "thành phần" của chương trình đào tạo (ví dụ: khối kiến thức giáo dục đại cương, khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành, thực tập) cần có ít nhất một GV chủ trì với chuyên môn phù hợp.

"GV có chuyên môn phù hợp" được định nghĩa là *"GV đáp ứng tiêu chuẩn quy định trong chuẩn chương trình đào tạo và một trong các yêu cầu sau:*

a) Có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ ngành phù hợp theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Thông tư này;

b) Có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ thuộc ngành được Hội đồng khoa học và đào tạo của cơ sở đào tạo xác định phù hợp để chủ trì giảng dạy ít nhất 02 học phần cốt lõi trong một thành phần của chương trình đào tạo, đồng thời đã có ít nhất 02 năm kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy trọn vẹn các học phần đó". Như vậy, "chuyên môn phù hợp" được định nghĩa linh hoạt, bao gồm cả tiến sĩ và thạc sĩ, với hai lựa chọn: (1) Có trình độ tiến sĩ hoặc thạc sĩ ngành phù hợp (theo khoản 8, giả định là danh mục ngành được quy định cụ thể); (2) Có trình độ tiến sĩ hoặc thạc sĩ thuộc ngành được Hội đồng khoa học và đào tạo xác nhận là phù hợp, kèm theo yêu cầu kinh nghiệm giảng dạy 02 học phần cốt lõi trong ít nhất 02 năm. Tiêu chuẩn này áp dụng cho GV chủ trì giảng dạy các thành phần của chương trình.

2.1.2. Phân tích mâu thuẫn pháp lý

Phân tích hai đoạn trích trên cho thấy ba khía cạnh mâu thuẫn chính: về trình độ học vấn, vai trò chủ trì giảng dạy và tính thực tiễn của quy định.

- Mâu thuẫn về trình độ học vấn: Khoản 2 yêu cầu rõ ràng "ít nhất 05 tiến sĩ là GV cơ hữu có chuyên môn phù hợp", đặt ra ngưỡng tối thiểu về số lượng và trình độ học vấn (tiến sĩ). Điều này phản ánh ý định của cơ quan soạn thảo nhằm đảm bảo đội ngũ giảng viên ở trình độ cao nhất để chủ trì chương trình đào tạo đại học – cấp bậc đòi hỏi năng lực nghiên cứu và giảng dạy chuyên sâu.Tuy nhiên, định nghĩa "GV có chuyên môn phù hợp" lại mở rộng phạm vi, cho phép cả thạc sĩ đảm nhận vai trò này nếu đáp ứng một trong hai điều kiện (a hoặc b). Điều kiện a chỉ yêu cầu trình độ thạc sĩ ngành phù hợp, trong khi điều kiện b bổ sung yêu cầu kinh nghiệm giảng dạy, nhưng vẫn không giới hạn ở tiến sĩ.

Sự không nhất quán giữa hai quy định là rõ ràng: nếu khoản 2 đòi hỏi 05 tiến sĩ, tại sao định nghĩa lại cho phép thạc sĩ thay thế trong vai trò "chủ trì giảng dạy"? Nếu thạc sĩ được tính là "GV có chuyên môn phù hợp", thì yêu cầu "05 tiến sĩ" trở nên thừa thãi hoặc không chính xác. Ví dụ, một cơ sở đào tạo có thể lập luận rằng họ chỉ cần 03 tiến sĩ và 02 thạc sĩ để đáp ứng yêu cầu, vì cả hai đều thuộc định nghĩa "chuyên môn phù hợp". Tuy nhiên, điều này mâu thuẫn trực tiếp với ngưỡng tối thiểu "05 tiến sĩ" được nêu rõ trong khoản 2. Hơn nữa, việc đưa thạc sĩ vào định nghĩa làm suy yếu mục tiêu nâng cao chất lượng đội ngũ GV cơ hữu, vốn là lý do chính để yêu cầu tiến sĩ – trình độ gắn liền với năng lực nghiên cứu khoa học và giảng dạy chuyên sâu.

Ví dụ minh hoạ: Giả sử một chương trình đào tạo ngành Kinh tế có 05 thành phần (giáo dục đại

cương, nhóm ngành, cơ sở ngành, chuyên ngành, thực tập). Theo khoản 2, cần 05 tiến sĩ để chủ trì. Nhưng nếu áp dụng định nghĩa "chuyên môn phù hợp", cơ sở đào tạo có thể sử dụng 03 tiến sĩ và 02 thạc sĩ, dẫn đến hiểu nhầm rằng vẫn đáp ứng yêu cầu. Điều này cho thấy sự thiếu rõ ràng trong cách diễn đạt pháp lý.

2.1.3. Mâu thuẫn về vai trò chủ trì giảng dạy

Khoản 2 yêu cầu "mỗi thành phần của chương trình đào tạo phải có GV với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy". Từ ngữ này không quy định rõ rằng tất cả GV chủ trì phải là tiến sĩ, mà chỉ nhấn mạnh "chuyên môn phù hợp". Tuy nhiên, khi đặt trong bối cảnh "05 tiến sĩ", có thể hiểu rằng ý định ban đầu là các tiến sĩ sẽ đảm nhận vai trò này. Định nghĩa "chuyên môn phù hợp" lại cho phép thạc sĩ chủ trì giảng dạy nếu đáp ứng điều kiện a (ngành phù hợp) hoặc b (kinh nghiệm giảng dạy 02 học phần cốt lõi). Điều này tạo ra khả năng thạc sĩ thay thế tiến sĩ trong vai trò chủ trì, làm giảm tính cần thiết của yêu cầu "05 tiến sĩ".

Nếu thạc sĩ được phép chủ trì các thành phần của chương trình, thì số lượng tiến sĩ thực tế cần thiết có thể dưới 05. Ví dụ, trong một chương trình có 05 thành phần, cơ sở đào tạo có thể phân bổ 03 tiến sĩ và 02 thạc sĩ, vẫn đáp ứng yêu cầu "mỗi thành phần có GV chủ trì", nhưng lại vi phạm ngưỡng "05 tiến sĩ". Ngược lại, nếu buộc phải sử dụng 05 tiến sĩ, thì việc cho phép thạc sĩ chủ trì trở nên không cần thiết và gây nhầm lẫn. Hơn nữa, khái niệm "chủ trì giảng dạy" không được định nghĩa rõ ràng trong Thông tư. Nếu "chủ trì" bao gồm cả việc xây dựng nội dung, giảng dạy chính và đánh giá học phần, thì yêu cầu tiến sĩ là hợp lý hơn vì thạc sĩ thường có hạn chế về năng lực nghiên cứu so với tiến sĩ. Việc cho phép thạc sĩ đảm nhận vai trò này mà không có giới hạn cụ thể làm giảm tính chặt chẽ của quy định.

Ví dụ minh họa: Trong ngành Công nghệ thông tin, chương trình đào tạo có thể gồm 06 thành phần (toán rời rạc, lập trình cơ bản, cơ sở dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, thực tập, và dự án tốt nghiệp). Với 05 tiến sĩ, cơ sở đào tạo không thể bao quát hết 06 thành phần, trừ khi một tiến sĩ chủ trì nhiều thành phần (điều không được quy định). Nếu sử dụng thêm 01 thạc sĩ để chủ trì "dự án tốt nghiệp", điều này phù hợp với định nghĩa "chuyên môn phù hợp", nhưng lại mâu thuẫn với yêu cầu "05 tiến sĩ" nếu hiểu rằng tất cả GV chủ trì phải là tiến sĩ.

2.1.4. Bất cập về tính thực tiễn

Yêu cầu "ít nhất 05 tiến sĩ" là ngưỡng tối thiểu nhằm đảm bảo chất lượng đội ngũ giảng viên, nhưng không tính đến sự đa dạng và phức tạp của các chương trình đào tạo. Một số ngành (như Y học, Kỹ thuật) có thể yêu cầu nhiều hơn 05 thành phần, trong khi các ngành xã hội (như Ngôn ngữ học) có thể ít hơn. Việc áp dụng một con số cố định (05) mà không linh hoạt theo cấu trúc chương trình gây khó khăn trong thực tiễn. Ngoài ra, định nghĩa "chuyên môn phù hợp" cho phép thạc sĩ tham gia nhằm giải quyết tình trạng thiếu hụt tiến sĩ, đặc biệt ở các ngành hiếm hoặc mới. Tuy nhiên, sự linh hoạt này lại không được kiểm soát chặt chẽ, dẫn đến nguy cơ lạm dụng thạc sĩ thay vì đầu tư vào đội ngũ tiến sĩ – điều đi ngược với mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục đại học.

Nếu số thành phần của chương trình vượt quá 05, yêu cầu "05 tiến sĩ" không đảm bảo mỗi thành phần đều có GV chủ trì, trừ khi quy định cho phép một tiến sĩ đảm nhận nhiều thành phần (điều không được nêu rõ). Ngược lại, nếu số thành phần ít hơn 05, yêu cầu này trở nên dư thừa, gây lãng phí nguồn lực. Việc cho phép thạc sĩ chủ trì trong điều kiện b (kinh nghiệm 02 năm) là hợp lý để bổ sung nhân lực, nhưng không giải quyết được vấn đề cốt lõi: làm thế nào để đảm bảo chất lượng giảng dạy khi thạc sĩ thay thế tiến sĩ ở các học phần cốt lõi? Điều này đặt ra câu hỏi về tính thực tiễn và hiệu quả của quy định.

Ví dụ minh hoạ: Ngành Luật học có thể gồm 04 thành phần (luật hiến pháp, luật dân sự, luật hình sự, thực tập). Với 05 tiến sĩ, cơ sở đào tạo đáp ứng vượt yêu cầu, nhưng không cần thiết phải sử dụng hết 05 người, dẫn đến lãng phí. Ngược lại, ngành Kỹ thuật cơ khí với 07 thành phần (toán kỹ thuật, cơ học, thiết kế máy, vật liệu, điện tử, thực tập, dự án) không thể triển khai với chỉ 05 tiến sĩ, buộc phải

dùng thêm thạc sĩ, gây mâu thuẫn với yêu cầu tối thiểu.

2.2. Hệ quả pháp lý và thực tiễn

2.2.1. Thiếu rõ ràng trong áp dụng pháp luật

Mâu thuẫn giữa "05 tiến sĩ" và định nghĩa "chuyên môn phù hợp" tạo ra sự mơ hồ trong cách hiểu và áp dụng quy định. Các cơ sở đào tạo có thể diễn giải khác nhau: (i) Một số trường cho rằng chỉ cần 05 GV (bao gồm cả thạc sĩ) là đủ, dựa trên định nghĩa linh hoạt. (ii) Số khác lại tuân thủ nghiêm ngặt "05 tiến sĩ", nhưng gặp khó khăn khi phân bổ GV cho các thành phần chương trình. Điều này dẫn đến sự không thống nhất trong hồ sơ đề nghị mở ngành, gây khó khăn cho cơ quan thẩm định (Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các đơn vị liên quan).

2.2.2. Khó khăn trong thẩm định và quản lý

Cơ quan quản lý phải đối mặt với thách thức khi đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ: (i) Nếu chấp nhận thạc sĩ trong vai trò chủ trì, ngưỡng "05 tiến sĩ" mất ý nghĩa, làm giảm tính nghiêm ngặt của quy định. (ii) Nếu yêu cầu tất cả giảng viên chủ trì là tiến sĩ, thì định nghĩa "chuyên môn phù hợp" trở nên không cần thiết, gây nhầm lẫn trong quá trình kiểm tra. Ví dụ, một trường đại học nộp hồ sơ với 04 tiến sĩ và 01 thạc sĩ chủ trì 05 thành phần có thể bị từ chối, dù phù hợp với định nghĩa, nhưng không đáp ứng yêu cầu "05 tiến sĩ". Điều này làm tăng nguy cơ tranh chấp hành chính hoặc khiếu nại từ các cơ sở đào tạo.

2.2.3. Ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo

Mục tiêu của Thông tư là đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo thông qua đội ngũ giảng viên trình độ cao. Tuy nhiên, việc cho phép thạc sĩ thay thế tiến sĩ mà không có giới hạn rõ ràng có thể làm giảm năng lực nghiên cứu và giảng dạy chuyên sâu, đặc biệt ở các ngành đòi hỏi kiến thức tiên tiến (như Y học, Công nghệ). Ngược lại, yêu cầu cứng nhắc "05 tiến sĩ" có thể gây áp lực cho các trường nhỏ hoặc ở địa phương khó tuyển dụng tiến sĩ, dẫn đến tình trạng "chạy" chỉ tiêu mà không chú trọng chất lượng thực tế.

2.2.4. Tác động đến hệ thống pháp luật giáo dục

Mâu thuẫn trong Điều 4 phản ánh vấn đề lớn hơn trong việc xây dựng văn bản pháp lý: thiếu sự phối hợp giữa các quy định cụ thể và định nghĩa chung. Nếu không được khắc phục, điều này có thể làm giảm tính minh bạch và hiệu lực của hệ thống pháp luật giáo dục, ảnh hưởng đến niềm tin của các cơ sở đào tạo và xã hội.

2.3. Đề xuất giải pháp

Để giải quyết mâu thuẫn và tăng tính khả thi, tác giả đề xuất ba nhóm giải pháp sau:

2.3.1. Làm rõ vai trò của tiến sĩ và thạc sĩ

Đề xuất sửa đổi khoản 2 Điều 4 để khẳng định "05 tiến sĩ" là yêu cầu bắt buộc, không thể thay thế bằng thạc sĩ trong ngưỡng tối thiểu. Thạc sĩ chỉ được phép chủ trì giảng dạy nếu vượt quá số lượng 05 tiến sĩ, với vai trò bổ sung. Cụ thể: *"Cơ sở đào tạo phải có ít nhất 05 tiến sĩ là GV cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình phải có ít nhất 01 tiến sĩ đảm nhận vai trò chủ trì. GV có trình độ thạc sĩ chỉ được tham gia chủ trì khi số lượng tiến sĩ cơ hữu vượt quá 05, và phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản này"*. Quy định này sẽ đảm bảo tính nghiêm ngặt của ngưỡng tối thiểu, đồng thời tận dụng thạc sĩ như nguồn lực hỗ trợ mà không làm suy yếu mục tiêu chất lượng.

2.3.2. Cụ thể hóa số lượng theo cấu trúc chương trình

Đề xuất điều chỉnh yêu cầu số lượng GV dựa trên số thành phần của chương trình đào tạo, thay vì áp dụng con số cố định "05". Cụ thể: "*Số lượng tiến sĩ cơ hữu tối thiểu phải tương ứng với số thành phần của chương trình đào tạo, đảm bảo mỗi thành phần có ít nhất 01 tiến sĩ chủ trì. Trong trường hợp chương trình có dưới 05 thành phần, số lượng tối thiểu là 05 tiến sĩ; nếu vượt quá 05 thành phần, số lượng tiến sĩ*

tăng tương ứng". Quy định này giúp tăng tính linh hoạt và thực tiễn, tránh lãng phí nguồn lực ở các chương trình đơn giản và đảm bảo đủ nhân lực cho các chương trình phức tạp.

2.3.3. Hài hòa định nghĩa "chuyên môn phù hợp"

Đề xuất giới hạn vai trò chủ trì của thạc sĩ trong các trường hợp đặc biệt (như ngành hiếm, thiếu tiến sĩ), kèm theo yêu cầu phê duyệt từ cơ quan quản lý. Cụ thể: "*GV có chuyên môn phù hợp là GV đáp ứng tiêu chuẩn trong chuẩn chương trình đào tạo. Tiến sĩ được ưu tiên chủ trì giảng dạy các thành phần của chương trình. Thạc sĩ chỉ được xem xét trong trường hợp thiếu tiến sĩ, phải đáp ứng điều kiện b (kinh nghiệm 02 năm giảng dạy 02 học phần cốt lõi), và được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt*". Quy định này giúp kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng thạc sĩ, đảm bảo chất lượng giảng dạy và tránh lạm dụng quy định linh hoạt.

2.3.4. Bổ sung hướng dẫn triển khai

Đề xuất ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết hoặc phụ lục giải thích khái niệm "chủ trì giảng dạy", "thành phần chương trình", và cách tính số lượng GV theo từng ngành. Quy định này giúp giảm thiểu hiểu nhầm, tăng tính minh bạch, và hỗ trợ các cơ sở đào tạo trong việc lập hồ sơ.

3. Kết luận

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung là bước tiến trong việc chuẩn hóa điều kiện mở ngành đào tạo đại học tại Việt Nam. Tuy nhiên, mâu thuẫn nội tại trong Điều 4 giữa yêu cầu "05 tiến sĩ cơ hữu" và định nghĩa "GV có chuyên môn phù hợp" đã làm giảm tính nhất quán và hiệu quả của quy định. Những bất cập này không chỉ gây khó khăn trong áp dụng mà còn tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục đại học, mục tiêu cốt lõi của văn bản. Qua phân tích pháp lý, bài viết đã chỉ ra ba khía cạnh mâu thuẫn chính: trình độ học vấn, vai trò chủ trì, và tính thực tiễn. Các giải pháp đề xuất - làm rõ vai trò tiến sĩ/thạc sĩ, cụ thể hóa số lượng giảng viên, và hài hòa định nghĩa - nhằm khắc phục những hạn chế này, đồng thời đảm bảo sự cân bằng giữa tính nghiêm ngặt và linh hoạt. Tác giả khuyến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét sửa đổi Điều 4 trong các đợt cập nhật tiếp theo, kết hợp với việc ban hành hướng dẫn chi tiết, để tạo ra khung pháp lý rõ ràng, khả thi, và hiệu quả hơn. Việc hoàn thiện các quy định pháp lý như vậy không chỉ nâng cao chất lượng quản lý giáo dục mà còn góp phần xây dựng một hệ thống giáo dục đại học Việt Nam bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời đại mới.

Tài liệu tham khảo

[1] Quốc hội (2019), *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14*.

[2] Chính phủ (2019), *Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục.*

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.*

[4] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024), *Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.*